

Bản án số: 660/2020/HC-ST

Ngày: 29-5-2020

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực bồi
thường, hỗ trợ khi Nhà nước
thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Bảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thái Ngọc Huyền – Thư ký Tòa
án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Thân
Trọng Minh Phương-Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ
Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 149/2018/TLST-
HC ngày 16 tháng 5 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2010/2020/QĐXXST-HC ngày 27 tháng 4 năm
2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 4402/2020/QĐST-HC ngày 15 tháng 5
năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện:

Ông Nguyễn Chí T

Địa chỉ: 69, tổ 10, ấp 1A, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Chí T: Ông Trần
Vân L - Luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 47 Phường N, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ : 77, thị trấn U, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C:

Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện C:

Ông Bùi Tiến Đ – Phó Trưởng Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện C.

Ông Phạm Văn M-Chuyên viên Ban bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 13/9/2017 cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, ông Nguyễn Chí T trình bày:

Ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án xét xử hủy Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) huyện C “Về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hệ thống Thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến Sông Lu tại xã R và xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Chí T” (viết tắt là Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017).

Ông T là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 51, 51-1 tờ bản đồ số 6, diện tích 7043m² tọa lạc tại ấp 4, xã R, huyện C, TP.HCM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 395/QSĐĐ/CQ do UBND huyện C cấp ngày 06/8/2004 (viết tắt là Giấy chứng nhận số 395/QSĐĐ/CQ).

Ngày 14/7/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 có nội dung bồi thường cho ông số tiền 899.691.948 đồng đối với phần đất bị thu hồi có diện tích 2.281,5m².

Ông T không đồng ý với Quyết định trên và yêu cầu Tòa án xử hủy quyết định để bồi thường lại theo đúng quy định của pháp luật, vì:

-Về giá bồi thường: UBND huyện C áp dụng giá bồi thường theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh “Về áp dụng giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh từ 01/01/2015 đến 31/12/2019” (viết tắt Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014) là không đúng vì giá đất quy định tại quyết định này không áp dụng trong trường hợp bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

-UBND huyện C bồi thường thiếu phần tài sản trên đất: Tài sản trên đất còn có ao cá do Ông T đào và sử dụng từ năm 2001 đến nay; Toàn bộ diện tích đất nêu trên là đất ruộng trũng, Ông T đã phải đổ đất, cải tạo để có giá trị như

hiện nay nhưng không được bồi thường chi phí cải tạo. Chi phí cải tạo đất, đổ đất, làm đường, đào ao khoảng 1.000.000.000 đồng.

-Không hỗ trợ tiền di dời theo quy định của pháp luật: Trước khi thu hồi đất, Ông T nuôi cá, trồng cây nhưng khi thu hồi đất UBND huyện C không hỗ trợ tiền di dời.

**Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Việt D vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện C là ông Bùi Tiến Đ và ông Phạm Văn M trình bày:*

Ông Nguyễn Chí T đã được UBND huyện C cấp các GCN QSDĐ sau:

- Giấy chứng nhận số 395/QSDĐ/CQ với diện tích 7.043m² thuộc các thửa đất số 51, 51-1 tờ bản đồ số 6, tài liệu 02/CT-UB, bộ địa chính xã R, huyện C.

-Giấy chứng nhận số H00084/19 ngày 15/12/2005 với diện tích 1.702m² thuộc thửa đất số 53, tờ bản đồ số 6, tài liệu 02/CT-UB, bộ địa chính xã R, huyện C (viết tắt là Giấy chứng nhận số H00084/19).

Trong dự án đầu tư xây dựng hệ thống Thủy lợi ven sông Sài gòn đoạn từ rạch Láng The đến Sông Lu tại xã R và xã P, huyện C, Ông T bị ảnh hưởng diện tích 2.281,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 51,53, (r) rạch tờ bản đồ số 6 (theo TL 02/CT-UB); theo tài liệu đo đạc năm 2004 thuộc một phần thửa đất số 247, 248, 250, tờ bản đồ số 5, bộ địa chính xã R, huyện C.

Ngày 09/5/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 4547/QĐ-UBND “Về việc thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hệ thống Thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến Sông Lu, huyện C (hạng mục đê bao ven sông Sài Gòn và bờ bao rạch Láng The)” (viết tắt Quyết định số 4547/QĐ-UBND ngày 09/5/2017) có nội dung thu hồi của Ông T phần đất có diện tích 2.281,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 247, 248, 250 tờ bản đồ số 5 (theo tài liệu đo năm 2004), loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 43,7m², đất trồng cây lâu năm 2.237,8m² tại xã R, huyện C của ông T.

Ngày 14/7/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND bồi thường cho Ông T với tổng số tiền: 899.691.948 đồng, cụ thể:

-Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 3:

$2.237,8\text{m}^2 \times 100.000 \text{ đồng/m}^2 \times 3,57 = 798.894.600 \text{ đồng}.$

-Bồi thường đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 2:

$43,7\text{m}^2 \times 104.000 \text{ đồng/m}^2 \times 3,635 = 16.520.348 \text{ đồng}.$

-Tài sản khác: 2.796.000 đồng.

-Cây cối, hoa màu: 81.481.000 đồng.

Ngày 24/7/2017, ông Nguyễn Chí T đã nhận được Quyết định bồi thường nêu trên, đến ngày 17/8/2018, Ông T đã nhận số tiền bồi thường 798.894.600 đồng/899.691.948 đồng (do Ông T chỉ cung cấp được 1 Giấy chứng nhận số 395/QSDĐ/CQ để điều chỉnh biến động theo quy định). Hiện Ông T đã đồng ý bàn giao mặt bằng phần đất ảnh hưởng trong dự án.

UBND huyện C giữ nguyên Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

-Chứng cứ bổ sung tại phiên tòa:

+Ông T bổ sung: Đơn xin xác nhận sản xuất trực tiếp đất ven sông Sài Gòn có xác nhận của UBND xã R, huyện C ngày 18/12/2017.

+Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND huyện C bổ sung: Văn bản số 413/UBND ngày 30/9/2014 “V/v xác định nguồn sống chính của hộ dân ảnh hưởng dự án xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến sông Lu, tại xã R và xã P huyện C” của UBND xã T và Bảng tính tiền chậm chi trả ngày 21/5/2018.

-Ông T và luật sư Trần Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nhưng chỉ yêu cầu xem xét lại về giá đất được bồi thường vì không phù hợp giá thị trường và Điều 114 Luật Đất đai năm 2013, để bồi thường lại cho đúng quy định pháp luật.

Đối với ý kiến:

+Có đào ao nuôi cá (diện tích 15m x 30m) trên phần đất bị thu hồi nhưng khi lập Bảng tổng hợp số ĐB-079/BTH ngày 09/5/2017 của Hội đồng bồi thường dự án, về giá trị bồi thường, chính sách hỗ trợ thiệt hại Ông T không nhớ để yêu cầu ghi vào Bản tổng hợp, Ông T xác nhận không có chứng cứ nào để chứng minh, hiện trạng không còn nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

+Về công san lấp phần đất bị thu hồi, Ông T cũng xác nhận toàn bộ phần diện tích đất bị thu hồi ông cũng có đổ cát san lấp để canh tác nông nghiệp nhưng là đất trũng, bị ngập nước nên không thể nào canh tác. Tuy nhiên, ông cũng không thể chứng minh được. Do vậy ông đề nghị nếu có thể được thì đề nghị UBND huyện C xem xét giúp đỡ ông.

+Về chi phí hỗ trợ di dời, hỗ trợ đào tạo nghề, ông đã được UBND huyện giải thích rõ ràng nên ông không còn thắc mắc, đề nghị xem xét giải quyết theo pháp luật.

-Ông Đ và ông M đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Các bên có thống nhất xác định:

-Trong phần diện tích đất được bồi thường có 526,5m² r1, r2 (TL 02), hiện trạng là một phần thửa 247, 248 ngoài Giấy chứng nhận số 395/QSĐĐ/CQ nhưng Ông T có quá trình sử dụng nên đủ điều kiện được hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất do vậy UBND huyện C đã tiến hành hỗ trợ cho Ông T bằng với giá bồi thường khi thu hồi đất.

-Do UBND huyện C chậm thực hiện chi trả tiền bồi thường 160 ngày nên đã tiến hành trả lãi cho Ông T với số tiền là 43.185.214 đồng (theo Bảng tính tiền chậm chi trả ngày 21/5/2018).

-Ông T chỉ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 và yêu cầu bồi thường lại theo quy định của pháp luật vì giá đền bù đất không hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn, tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ đã thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của UBND huyện C - ông Nguyễn Việt D có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ theo Điều 157 Luật Tố tụng hành chính Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án hành chính:

Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do UBND

huyện C ban hành, được áp dụng đối với ông Nguyễn Chí T; ngày 20/4/2018 Ông T nộp đơn khởi kiện UBND huyện C, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017. Căn cứ các Điều 3, 30, 32 và 116 của Luật Tố tụng hành chính, quyết định nêu trên là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, đơn khởi kiện của Ông T nộp trong thời hiệu khởi kiện và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[3].Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1].Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017:

Ngày 09/5/2017, UBND huyện C ban hành Quyết định số 4547/QĐ-UBND có nội dung thu hồi của Ông T phần đất có diện tích 2.281,5m² đất thuộc một phần thửa đất số 247, 248, 250 tờ bản đồ số 5 (theo tài liệu đo năm 2004), loại đất: đất trồng cây hàng năm khác 43,7m², đất trồng cây lâu năm 2.237,8m² tại xã R, huyện C của ông T. Đến ngày 14/7/2017 UBND huyện C ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND.

Xét thấy việc ban hành Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND huyện C là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền vì phù hợp với quy định tại Điều 69 Luật Đất đai năm 2013, các Điều 45 và Điều 50 Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về “Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

[3.2].Xét nội dung Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017.

[3.2.1].Về loại đất, diện tích đất, tài sản trên đất được bồi thường:

Căn cứ Biên bản số ĐB-079/BBKT ngày 07/6/2013 về “Biên bản kiểm kê hiện trạng đất, nhà công trình tài sản, cây cối hoa màu trên mặt bằng đất phải giải tỏa của dự án xây dựng đê bao ven sông Sài Gòn đoạn Sông Lu-Láng The tại xã R và xã P, huyện C” có xác nhận của ông T, thể hiện:

+Tổng diện tích thuộc phạm vi giải tỏa: 2281,5m². Số tờ bản đồ số 6, số thửa 51, 53 theo tài liệu 02 (số tờ bản đồ 5 số thửa 247, 248, 250 theo tài liệu kỹ thuật số), trong đó: +Đất trồng cây lâu năm (đất vườn): 1711,3m² + 526,5m². +Đất trồng cây hàng năm: 43,7m².

+Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất: 526,5m² r1, r2 (TL 02), hiện trạng là một phần thửa 247, 248 ngoài giấy.

+Công trình trên đất: Ống cống bê tông cốt thép (đường kính 30cm), số lượng: 15 cái x 1m.

+Cây trồng: Cau vua 30 (đường kính 40cm) + 31 cây (đường kính 50cm), sầu riềng: 08 cây (loại trong thời kỳ bắt đầu cho trái) trồng năm 2004, măng cụt (loại trong thời kỳ bắt đầu cho trái) trồng năm 2004.

Đối chiếu với Bảng tổng hợp số ĐB-079/BTH ngày 09/5/2017 của Hội đồng bồi thường dự án, về giá trị bồi thường, chính sách hỗ trợ thiệt hại trong dự án đối với hộ ông Nguyễn Chí T (có xác nhận của ông T), Giấy chứng nhận số 395/QSDĐ/CQ, Giấy chứng nhận số H00084/19, Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 109344/ĐĐBĐ (số thứ tự 317) ngày 09/6/2012 có xác nhận của ông Nguyễn Chí T của Trung tâm đo đạc bản đồ, Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng: 109344/ĐĐBĐ (số thứ tự 319) ngày 09/6/2012 có xác nhận của ông Nguyễn Chí T của Trung tâm đo đạc bản đồ và Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 cho thấy, diện tích đất, loại đất, tài sản trên đất đã được UBND huyện C xác định đúng, đủ và việc bồi thường không có thiếu sót.

Riêng phần rạch 526,5m² nằm ngoài Giấy chứng nhận số 395/QSDĐ/CQ cấp cho Ông T vẫn được UBND huyện C hỗ trợ bằng giá bồi thường là có lợi cho ông T, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Việc Ông T cho rằng UBND huyện C chưa xem xét bồi thường công sức đào ao nuôi cá từ năm 2001, san lấp đất ruộng để canh tác trên phần đất bị thu hồi nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, không có cơ sở pháp lý và không phù hợp lời khai của Ông T tại phiên tòa là phần đất bị thu hồi thường bị ngập trũng không thể canh tác nên không có cơ sở xác định UBND huyện C đã bồi thường không đúng pháp luật. [3.2.2]. Về giá bồi thường:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do các bên cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc xác định loại đất, vị trí đất để tính bồi thường, hỗ trợ đúng với quy định tại khoản 3 Phần VI. Bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp của Phương án số 5271/PA-HĐBT ngày 09/5/2017 “Về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến sông Lu tại xã R và xã P, huyện C” được ban hành kèm theo Quyết định số 4716/QĐ-UBND ngày 09/5/2017 “Về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến sông Lu tại xã R và xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh” của UBND huyện C.

Giá đất được tính bồi thường được quy định tại Khoản I, Phần IV. Giá đất để tính bồi thường và chi phí đầu tư vào đất còn lại, được căn cứ vào Quyết định số 2107/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 “Về phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để

tính bồi thường, hỗ trợ và mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm của dự án xây dựng hệ thống thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến sông Lu (hạng mục đê bao) tại xã R và xã P, huyện C” của UBND Thành phố Hồ Chí Minh”.

Theo đó:

-Phần đất nông nghiệp trồng cây lâu năm vị trí 3 (nằm ngoài ranh mép đường Trung An vào 400m), giá đất được tính: 100.000 đồng/m² (giá đất được quy định tại bản Quy định “về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2019” được ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh) x hệ số 3,57 = 357.000 đồng/m².

-Phần đất nông nghiệp trồng cây hàng năm vị trí 2 (nằm hoàn toàn giữa 2 ranh từ mép đường Trung An vào 200m và 400m), giá đất được tính: 104.000 đồng/m² (giá đất được quy định tại bản Quy định “về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến 31 tháng 12 năm 2019” được ban hành kèm theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh) x 3,635 = 363.500 đồng/m².

-Đối với phần tài sản trên đất đã được tính đúng theo quy định tại Phần IX. Bồi thường hoa màu, cây trồng và tài sản khác của Phương án số 5271/PA-HĐBT ngày 09/5/2017. Đồng thời, các tài sản trên đất được bồi thường 100% nên UBND huyện C không có nghĩa vụ tính hỗ trợ chi phí di dời tài sản.

Như vậy, UBND huyện C đã thực hiện bồi thường đúng quy định pháp luật, đúng Phương án bồi thường.

Ông T và luật sư L cho rằng UBND huyện C chỉ áp dụng đơn giá bồi thường theo Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 để bồi thường mà không theo giá thị trường là không có cơ sở.

[3.2.4]. Tại phiên tòa Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 đã ban hành trái pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông T nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Hội đồng xét xử không chấp nhận các lập luận của Ông T và luật sư L, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Ông T phải chịu số tiền án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng

do yêu cầu khởi kiện của Ông T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các điều 3, 30, 32, 116, 193, 194 và 206 Luật Tổ tụng hành chính;
- Luật Đất đai năm 2013;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về “Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí T về việc yêu cầu hủy Quyết định số 8417/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của Ủy ban nhân dân huyện C “Về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư trong dự án đầu tư xây dựng hệ thống Thủy lợi ven sông Sài Gòn đoạn từ rạch Láng The đến Sông Lu tại xã R và xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Chí T” để bồi thường lại theo quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông T phải chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm mà Ông T đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0044408 ngày 03/5/2018 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Ông T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Riêng UBND huyện C thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP Hồ Chí Minh;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Bảo Nguyên